

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HOÁ
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16-9-2021

V/v: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

**N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Nguyệt

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Văn Tiến;
2. Bà Mai Thị Tiếp;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Hương - Thư ký TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Thị Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 346/2021/TLST- HNGĐ ngày 15/ 7 /2021 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 108/2021 /QĐXX-ST ngày 09 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2021 giữa các đ- ơng sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Xuân T – Sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đ, phường Đ, thành phố T.

2. Bị đơn: Chị Vũ Thị H - Sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Nơi cư trú cuối cùng: Đ, phường Đ, thành phố T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/6/2021 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Lê Xuân T trình bày: Anh và chị Vũ Thị H kết hôn với nhau vào ngày 25 tháng 5 năm 2007 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Tháng 9 năm 2015 thì chị H đã bỏ nhà đi khỏi địa phương, anh T và gia đình đã tìm mọi cách tìm kiếm chị H nhưng có tin tức gì về chị H. Đến tháng 12 năm 2020 anh T đã yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích đối với chị H. Tại quyết định số 08/2021/QĐST – DS ngày 20/5/2021 Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã tuyên bố mất tích đối với chị Vũ Thị H. Nay anh T xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Vũ Thị H.

Về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung là cháu Lê Thị Thu H, sinh ngày 28/11/2007 và cháu Lê Xuân L sinh ngày 06/9/2013. Ly hôn anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được nuôi dưỡng cả hai cháu Lê Thị Thu H và Lê Xuân L, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Vũ Thị H đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Tòa án đã làm thủ tục niêm yết các văn bản triệu tập hợp lệ theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa anh T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Chị H đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã nộp yêu cầu khởi kiện, cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh để đảm bảo quyền và lợi ích của mình, có mặt theo giấy triệu tập và chấp hành các quyết định của Tòa án, và thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Bị đơn hiện không có mặt tại địa phương, đã bị Tòa án tuyên bố mất tích từ tháng 4 năm 2021, vì vậy không có lời khai, không tham dự phiên họp

kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham gia phiên tòa, không thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Tòa án đã niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử 02 lần cho bị đơn, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt căn cứ điều 227, 228 BLTTDS Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập được, Viện kiểm sát thấy rằng: Xét về hôn nhân: Anh T và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào năm 2007 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố T xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sinh sống hòa thuận đến tháng 9/2015 chị H đã bỏ nhà đi khỏi địa phương. Anh T và gia đình đã tìm kiếm nhưng không có tin tức của chị H. Tháng 12/2020 anh T đã yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích đối với chị H, Tại quyết định số 08/2021/QĐST – DS ngày 20/5/2021 Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã tuyên bố mất tích đối với chị Vũ Thị H. Nay anh T nhận thấy không còn tình cảm với chị H nên xin được ly hôn. Xét thấy, chị H đã bỏ đi mất tích, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của anh T.

Xét về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung là cháu Lê Thị Thu H, sinh ngày 28/11/2007 và cháu Lê Xuân L sinh ngày 06/9/2013. Ly hôn anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được nuôi dưỡng cả hai cháu Lê Thị Thu H và Lê Xuân L, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con thấy rằng hiện nay chị H đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Lê Thị Thu H và Lê Xuân L là phù hợp.

Về tài sản, công nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không xét.

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; 82;83 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đ- ọc xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn chị Vũ Thị H đã bị mất tích. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định. Nguyên đơn(Anh Lê Xuân T) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 BLTTDS để xét xử vắng mặt đối với chị H, anh T.

[2]. Về hôn nhân: (Căn cứ vào các BL: 02; 03;04;12;25;27A) Anh Lê Xuân T và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau vào tháng 5 năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 9/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Từ tháng 9/2015 chị H đã bỏ nhà đi khỏi địa phương, anh T và gia đình đã tìm mọi cách tìm kiếm nhưng có tin tức gì về chị H. Đến tháng 12 năm 2020 anh T đã yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích đối với chị H. Tại quyết định số 08/2021/QĐST – DS ngày 20/5/2021 Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã tuyên bố mất tích đối với chị Vũ Thị H. Từ khi Tòa án tuyên bố mất tích đối với chị H đến nay vẫn không có tin tức gì về chị H. Điều này đã được thể hiện qua lời khai của anh T và xác nhận của chính quyền địa phương nơi anh chị cư trú cư trú (BL:25; 27A). Nay anh T xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho anh được ly hôn chị Vũ Thị H.

[3]. Về con chung: (Căn cứ các BL: 08; 09;12;25;26;27;27A) Anh T và chị H có 02 con chung là cháu Lê Thị Thu H , sinh ngày 28/11/2007 và cháu Lê Xuân L sinh ngày 06/9/2013. Ly hôn anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Lê Thị Thu H và Lê Xuân L ,anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét thấy hiện nay chị H đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Từ khi chị H bỏ nhà đi khỏi địa phương, không có tin tức gì, các cháu vẫn ở với anh T, anh T vẫn đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng các cháu tốt, vì vậy yêu cầu của anh T giao cho anh trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Lê Thị Thu H và Lê Xuân L là phù hợp với nguyện vọng của các con, phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con, hiện nay chị H mất tích, anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con, xét thấy việc không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con của anh T là tự nguyện nên chấp nhận.

[4]. Về tài sản, công nợ chung: (BL:12; 25) Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000đ án phí Ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; 273 BLTTDS. Điều 6, điểm a khoản 5, Điều 27, khoản 1.1 điều 1 phần I, mục A Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Lê Xuân T được ly hôn chị Vũ Thị H.

2. Về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung là cháu Lê Thị Thu H , sinh ngày 28/11/2007 và cháu Lê Xuân L sinh ngày 06/9/2013. Ly hôn giao cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Lê Thị Thu H và Lê Xuân L, chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị H có quyền đi lại thăm nom con chung , không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết .

4. Về án phí: Anh T phải chịu án phí phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh đã nộp theo biên lai số: AA/2019/0012669 ngày 13/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Anh T đã nộp đủ.

Người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tp Thanh Hóa;
- Chi cục THADS tp Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu Hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Nguyệt

